

Số: /TM-BG

Tuy Hòa, ngày tháng năm 2024

THƯ MỜI

V/v Cung cấp báo giá các biểu mẫu phục vụ công tác chuyên môn của các khoa phòng 06 tháng đầu năm 2025.

Kính gửi:

Bệnh viện Sản Nhi có nhu cầu thực hiện việc in ấn các biểu mẫu phục vụ công tác chuyên môn của các khoa, phòng 06 tháng đầu năm 2025, với danh mục, quy cách, đặc tính kỹ thuật các biểu mẫu như sau:

STT	Nội dung biểu mẫu	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Bảng kê vật tư tiêu hao phòng mổ	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	2.600
2	Bảng kiểm chuẩn bị và bàn giao người bệnh trước phẫu thuật	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	3.200
3	Bảng kiểm đếm gạc, dụng cụ sắc nhọn, dụng cụ	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	3.000
4	Bảng kiểm tra an toàn phẫu thuật	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	2.600
5	Bảng kiểm trước tiêm chủng	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	1.000
6	Bệnh án Ngoại trú	Khổ giấy A3; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	1.500
7	Bệnh án Nhi khoa	Khổ giấy A3; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	7.000
8	Bệnh án Phụ khoa	Khổ giấy A3; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	500
9	Bệnh án Sản khoa	Khổ giấy A3; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	5.200
10	Bệnh án Sơ sinh	Khổ giấy A3; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	1.800
11	Bì đựng phim 27x27cm	Kích thước: 27x27(cm)	Bì	4.000
12	Bì thư 23x16cm	Độ trắng giấy \geq 90	Bì	400

13	Bì thư Đẳng A5	Độ trắng giấy ≥ 90	Bì	300
14	Bì thư nhỏ 20x14cm	Độ trắng giấy ≥ 90	Bì	300
15	Bìa bệnh án trắng	Giấy bìa Couche, khổ (32 x 47) cm; định lượng giấy $\geq 150\text{gsm}$; màu trắng bóng; có gáy dán bệnh án (30 x 3.5) cm; số lượng gáy ≥ 10 tờ	Tờ	1.610
16	Bìa bệnh án vàng	Giấy bìa Fo, khổ (32 x 47) cm; định lượng giấy $\geq 180\text{gsm}$; màu vàng; có gáy dán bệnh án (30 x 3.5) cm; số lượng gáy ≥ 10 tờ	Tờ	410
17	Bìa bệnh án xanh	Giấy bìa Fo, khổ (32 x 47) cm; định lượng giấy $\geq 180\text{gsm}$; màu xanh; có gáy dán bệnh án (30 x 3.5) cm; số lượng gáy ≥ 10 tờ	Tờ	6.990
18	Biên bản tư vấn về tình trạng bệnh	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	1.200
19	Biên bản nghiệm thu máu	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	1.000
20	Biểu đồ chuyển dạ	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	2.000
21	Biểu đồ theo dõi β -HCG	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	500
22	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	5.400
23	Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	2.250
24	Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của Bác sĩ (khi chưa kết thúc việc chữa bệnh)	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	1.550
25	Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	50
26	Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	2.200
27	Giấy khám, chữa bệnh theo yêu cầu	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	2.850
28	Hồ sơ đặt dụng cụ tử cung	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	300
29	Hồ sơ phá thai	Khổ giấy A3; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	450
30	Hồ sơ sức khỏe người hiến máu	Khổ giấy A5; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	500

31	Nẹp cấp cứu	Giấy bìa Kraft; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 135\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	20
32	Nẹp hô hấp	Giấy bìa Kraft; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 135\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	200
33	Nẹp mô đê	Giấy bìa Kraft; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 135\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	200
34	Nẹp ngoại liên CK	Giấy bìa Kraft; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 135\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	200
35	Nẹp Sản bệnh lý	Giấy bìa Kraft; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 135\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	200
36	Nẹp sinh thường	Giấy bìa Kraft; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 135\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	200
37	Nẹp sơ sinh	Giấy bìa Kraft; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 135\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	200
38	Nẹp tạp bệnh	Giấy bìa Kraft; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 135\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	200
39	Nẹp tiêu hóa	Giấy bìa Kraft; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 135\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	200
40	Phiếu bàn giao người bệnh chuyên khoa (dành cho bác sĩ)	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	4.000
41	Phiếu bàn giao người bệnh chuyên khoa (dành cho điều dưỡng)	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	4.850
42	Phiếu công khai dịch vụ khám, chữa bệnh nội trú	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	18.450
43	Phiếu công khai dịch vụ khám chữa bệnh nội trú (Khoa CSTP & đê)	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	4.500
44	Phiếu cung cấp thông tin của người bệnh	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	15.000
45	Phiếu cung cấp thông tin thai phụ	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	1.000
46	Phiếu cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú dành cho thai phụ	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	6.000
47	Phiếu chăm sóc	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	23.510
48	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng (áp dụng cho	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	5.200

	PN thời hậu sản)			
49	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng (Dùng cho phụ nữ mang thai)	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	4.900
50	Phiếu đánh giá trước khi cho người bệnh ra khỏi phòng hồi tỉnh	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	3.000
51	Phiếu đánh giá, phân độ và xử trí bệnh tay chân miệng	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	600
52	Phiếu điện tim	Khổ giấy A3; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	1.770
53	Phiếu gây mê hồi sức	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	2.600
54	Phiếu hướng dẫn chế độ dinh dưỡng cho người bệnh nội trú	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	10.000
55	Phiếu khám chuyên khoa	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	200
56	Phiếu khám nhi khoa	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	3.000
57	Phiếu khám phụ khoa	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	3.000
58	Phiếu khám sức khỏe	Khổ giấy A3; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	300
59	Phiếu khám thai	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	3.000
60	Phiếu khám tiền mê	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	3.400
61	Phiếu khám và tư vấn dinh dưỡng cho người bệnh ngoại trú	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	3.200
62	Phiếu khử khuẩn	Kích thước: (4,0 x 7,5) cm; giấy Bistone \geq 100gsm; có cán màng; màu trắng bóng	Tờ	8.000
63	Phiếu nhận định - phân loại người bệnh tại khoa cấp cứu	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	200
64	Phiếu nhận định ban đầu người bệnh nội trú (dành cho điều dưỡng - lúc nhập viện/nhập khoa)	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	200
65	Phiếu phân loại nhóm máu (loại tốt)	KT: Khổ (13,5x8x5) cm; Giấy Bistone \geq 300g có cán màng; màu trắng bóng	Tờ	5.000
66	Phiếu sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng bệnh nhi	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	5.000

	(Gái)			
67	Phiếu sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng bệnh nhi (Trai)	Khở giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	5.000
68	Phiếu sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng bệnh nhi sơ sinh (Gái)	Khở giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	1.000
69	Phiếu sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng bệnh nhi sơ sinh (Trai)	Khở giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	1.000
70	Phiếu soi cổ tử cung	Khở giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	200
71	Phiếu theo dõi chức năng sống	Khở giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	9.400
72	Phiếu theo dõi điều trị	Khở giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	29.500
73	Phiếu theo dõi người bệnh sau khi mổ (trong 24 giờ đầu)	Khở giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	3.400
74	Phiếu theo dõi tại phòng hồi tỉnh	Khở giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	3.000
75	Phiếu theo dõi truyền dịch	Khở giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	5.090
76	Phiếu theo dõi và hồi sức người bệnh sau mổ (từ giờ thứ 25 trở đi)	Khở giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	2.450
77	Phiếu thông tin và điều trị thai trứng	Khở giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	500
78	Phiếu tiết khuẩn	Kích thước: (4,0 x 7,5) cm; giấy Bístone \geq 100gsm; có cán màng; màu trắng bóng	Tờ	8.000
79	Phiếu truyền máu	Khở giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	700
80	Phiếu tư vấn và cam đoan truyền máu	Khở giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	1.900
81	Phiếu tư vấn, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe	Khở giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	5.300
82	Phiếu xác nhận đồng ý xét nghiệm HIV	Khở giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	4.400
83	Phiếu xét nghiệm giải phẫu bệnh sinh thiết	Khở giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	1.350
84	Phiếu yêu cầu lấy chế phẩm máu sàng lọc cấp cứu	Khở giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Tờ	500

85	Sổ bàn giao bệnh phẩm	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	27
86	Sổ bàn giao dụng cụ thanh trùng	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	4
87	Sổ bàn giao dụng cụ thường trực	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90 ;	Quyển	22
88	Sổ bàn giao thuốc thường trực	Khổ giấy A5; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	22
89	Sổ báo ăn uống người bệnh	Khổ giấy A3; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	3
90	Sổ biên bản hội chẩn	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	7
91	Sổ đăng ký văn bản đến	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	2
92	Sổ đăng ký văn bản đi	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	2
93	Sổ công văn đến	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	5
94	Sổ công văn đi	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	5
95	Sổ đơn thuốc	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	53
96	Sổ ghi kết quả huyết học	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	5
97	Sổ ghi kết quả sinh hóa máu	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	5
98	Sổ góp ý người bệnh	Khổ giấy A5; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	3
99	Sổ họp giao ban	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	42
100	Sổ kiểm tra	Khổ giấy (30x32)cm; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	12
101	Sổ KQ test nhanh	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	5

102	Sổ lệnh điều xe	Khổ giấy A4; in 01 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	7
103	Sổ lĩnh hóa chất	Khổ giấy A4; in 01 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	2
104	Sổ lĩnh thuốc gây nghiện hướng tâm thần và tiền chất	Khổ giấy A4; in 01 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	16
105	Sổ nghỉ phép	Khổ giấy A4; in 01 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	7
106	Sổ phẫu thuật	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	3
107	Sổ quản lý TVXN HIV tại cơ sở	Khổ giấy A4; in 01 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	9
108	Sổ thường trực	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	31
109	Sổ trả hồ sơ bệnh án	Khổ giấy A5; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	2
110	Sổ xét nghiệm sàng lọc HIV	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	5
111	Sổ yêu cầu sửa chữa (Hành chính)	Khổ giấy A4; in 01 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	13
112	Sổ yêu cầu sửa chữa (VTTTBYT)	Khổ giấy A4; in 01 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	9

* Ghi chú: Giá trên bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển đến bệnh viện

Bệnh viện Sản Nhi đề nghị quý công ty báo giá theo danh mục, quy cách, đặc tính kỹ thuật, số lượng các biểu mẫu nêu trên.

* Thời gian, địa điểm nộp chào giá:

- Thời gian nộp bảng chào giá: Đến hết ngày 07/01/2025.

- Địa chỉ: 270 Trần Hưng Đạo, phường 4, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

- Điện thoại: 0257. 383 5109

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận :

- Đăng trang TTĐT Sở Y tế;
- Đăng trang TTĐT BV Sản Nhi;
- Ban GD Bệnh viện;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Như Ý